

Số: 372/BC - VHTC

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2014

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN**  
**Năm báo cáo: 2013**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Ha Tu Coal Joint Stock Company.
  - + Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin.
  - + Tên tiếng Anh: Vinacomin - Ha Tu Coal Joint Stock Company.
  - + Tên viết tắt: VHTC.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700101323 cấp lần đầu ngày 25/12/2006 tại Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh.
- Vốn điều lệ: 136.497.380.000 VNĐ (*bằng chữ: Một trăm ba sáu tỷ, bốn trăm chín bảy triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*).
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 136.497.380.000 VNĐ (*bằng chữ: Một trăm ba sáu tỷ, bốn trăm chín bảy triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*).
- Địa chỉ: Tổ 6 Khu 3, Phường Hà Tu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
- Số điện thoại: (033).835169;
- Fax: (033).836120;
- Email: thanhatu@hatucoal.vn (hoặc thanhatu@yahoo.com);
- Website: [www.hatucoal.com.vn](http://www.hatucoal.com.vn) hoặc [www.thanhatu.vn](http://www.thanhatu.vn).
- Mã cổ phiếu: **THT**.

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin tiền thân là mỏ than Hà Tu, là Doanh nghiệp nhà nước, thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty than Việt Nam (nay đổi tên thành Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) được thành lập theo quyết định số 2602/QĐ - TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp, đăng ký kinh doanh số 110947 ngày 14/10/1996 của UBND Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/10/1996.

Ngày 01/10/2001 Hội đồng quản trị Tổng công ty than Việt Nam ban hành quyết định số 405/QĐ-HĐQT đổi tên Mỏ than Hà Tu thành Công ty than Hà Tu.

Năm 2006 Công ty thực hiện cổ phần hoá và chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần than Hà Tu theo Quyết số 2062/QĐ-BCN ngày 09/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển công ty than Hà Tu thành Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV. Công ty đã được sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700101323 ngày 25 tháng 12 năm 2006 với mức vốn điều lệ 91.000.000.000 đồng (*Chín mươi một tỷ đồng*).

Ngày 01 tháng 01 năm 2007 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51%.

Ngày 08 tháng 9 năm 2010 Công ty đổi tên thành công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

Ngày 24/10/2008 Công ty chính thức được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX).

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>  | <b>Mã ngành</b> |
|------------|---|-----------------|
| 01         | Khai thác và thu gom than cứng  | 0510 (Chính)    |
| 02         | Khai thác và thu gom than non   | 0520            |
| 03         | Khai thác và thu gom than bùn   | 0892            |
| 04         | Khai thác quặng và các kim loại không chứa sắt.   | 0722            |
| 05         | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét   | 0810            |
| 06         | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác   | 0990            |
| 07         | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ  | 4933            |
| 08         | Kho bãi và lưu trữ hàng hoá   | 5210            |
| 09         | Thoát nước và xử lý nước thải   | 3700            |
| 10         | Khai thác, xử lý và cung cấp nước   | 3600            |
| 11         | Sửa chữa máy móc thiết bị   | 3312            |
| 12         | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn  | 3311            |
| 13         | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp   | 3320            |
| 14         | Sửa chữa thiết bị điện  | 3314            |
| 15         | Sửa chữa thiết bị khác  | 3319            |
| 16         | Lắp đặt hệ thống điện   | 4321            |
| 17         | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí   | 4322            |
| 18         | Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ  | 02102           |
| 19         | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác   | 4390            |
| 20         | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621            |
| 21         | Sản xuất các loại bánh từ bột   | 1071            |
| 22         | Hoạt động các cơ sở thể thao  | 9311            |

- Địa bàn kinh doanh:

- + Phường Hà Tu- Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh;
- + Khu 4 Thị trấn Lộc Thắng – Huyện Bảo Lâm – Tỉnh Lâm Đồng.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- Mô hình quản trị:

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.
- + Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
- + Ban Giám đốc điều hành: 06. Trong đó, 01 Giám đốc Công ty điều

hành chung, 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, 01 Phó Giám đốc phụ trách Kỹ thuật khai thác, 01 Phó Giám đốc phụ trách Cơ điện - Vận tải, 01 Phó Giám đốc phụ trách Môi trường và dự án phát triển mỏ, 01 Phó Giám đốc phụ trách về Tài chính kinh tế, 01 Kế toán trưởng.

- + Các Công trường, phân xưởng, phòng ban:

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

- |                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| 01- Văn phòng                        | 11- Phòng Kỹ thuật mỏ                    |
| 02- Phòng Tổ chức lao động           | 12- Phòng Đầu tư xây dựng                |
| 03- Phòng Pháp chế & Quan hệ cổ đông | 13- Phòng Bảo vệ - Quân sự               |
| 04- Phòng Y tế                       | 14- Phòng Trắc địa                       |
| 05- Phòng Kế hoạch                   | 15- Phòng Địa chất                       |
| 06- Phòng Quản lý Vật Tư             | 16- Phòng KCS                            |
| 07- Phòng Kế toán thống kê           | 17- Phòng Điều khiển sản xuất            |
| 08- Phòng Cơ điện                    | 18- Phòng Thi đua Văn thể                |
| 09- Phòng Vận tải                    | 19- Phòng Môi trường và tiến bộ kỹ thuật |
| 10- Phòng An toàn                    |  |

- Các công trường, Phân xưởng:

- |                                       |                                 |
|---------------------------------------|---------------------------------|
| 01- Công trường Via Trụ Tây           | 11- Phân xưởng sửa chữa Cơ điện |
| 02- Công trường Via Trụ Đông          | 12- Phân xưởng Xe 1             |
| 03- Công trường Via 7&8               | 13- Phân xưởng Xe 2             |
| 04- Công trường Than 1                | 14- Phân xưởng Xe 3             |
| 05- Công trường Than 2                | 15- Phân xưởng Xe 4             |
| 06- Công trường Bơm nước và làm đường | 16- Phân xưởng Xe 5             |
| 07- Phân xưởng Dịch vụ đời sống       | 17- Phân xưởng Xe 6             |
| 08- Phân xưởng Dịch vụ tổng hợp       | 18- Phân xưởng Xe 7             |
| 09- Phân xưởng sửa chữa Ô tô số 1     | 19- Đội xe Văn phòng            |
| 10- Phân xưởng sửa chữa Ô tô số 2     |                                 |

### **5. Định hướng phát triển**

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau:

Phấn đấu xây dựng Công ty trở thành một Công ty có trình độ khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn - Vinacomin với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến, đạt tiêu chuẩn trong khu vực. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phấn đấu xây dựng mỏ than Hà Tu - Vinacomin trở thành mỏ xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững.

Triển khai dự án duy trì và phát triển mỏ giai đoạn sau năm 2018, tiếp tục thực hiện hoàn thiện hồ sơ để khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh với sản lượng dự kiến 2,5 triệu tấn than/năm. Tăng cường triển khai các dự án phát triển và mở rộng sản xuất của Công ty trong tình hình mới.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

- Những khó khăn:

Năm 2013, do chịu ảnh hưởng suy thoái của nền kinh tế đã tác động mạnh đến sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn, tình hình tiêu thụ chưa có dấu hiệu phục hồi, giá bán than trên thị trường giảm mạnh, các chỉ tiêu sản xuất bị cắt giảm.

Công ty còn là một đơn vị có giá thành cao (hệ số bóc lột: 13,38, cung độ đất đá xa: 3,56km), do đó, Tập đoàn yêu cầu phải có giải pháp giảm giá thành (tương ứng 141,2 tỷ), tiếp tục thực hiện tiết giảm 5% tổng chi phí (tương ứng 113 tỷ đồng). Ngoài ra, Tập đoàn giảm 350.000 tấn than NK tương ứng giảm 4,7 triệu m<sup>3</sup> đất đá, dẫn đến giảm doanh thu, lợi nhuận kế hoạch cũng bị điều chỉnh giảm.

Ngoài những khó khăn đó, Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn về dòng tiền do tồn đọng tại các dự án, chi phí ký quỹ môi trường, các chi phí phát sinh về thuế phí

nhu: Thuế trước bạ (11 tỷ), thuế đất (10 tỷ), phí môi trường đã đẩy giá thành của Công ty lên cao.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

Năm 2013, mặc dù tình hình sản xuất có quá nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã chủ động đưa ra các giải pháp tổ chức, điều hành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác quản trị chi phí, do vậy đã đạt được một số kết quả:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2013:

| Stt | Chỉ tiêu             | Đvt        | Kế hoạch Đầu năm | Kế hoạch Điều hành | Thực hiện năm 2013 |        |        |
|-----|----------------------|------------|------------------|--------------------|--------------------|--------|--------|
|     |                      |            |                  |                    | Sản lượng          | % 6526 | % 2142 |
| 1   | Than nguyên khai     | Tấn        | 1.600.000        | 1.250.000          | 1.252.326          | 78,3   | 100,2  |
| 2   | Đất bóc              | M3         | 21.400.000       | 16.725.000         | 16.749.978         | 78,3   | 100,2  |
| 3   | Than tiêu thụ        | Tấn        | 1.650.000        | 1.401.000          | 1.396.296          | 84,6   | 99,7   |
|     | - Giao kho vận       | Tấn        | 1.450.000        | 1.161.000          | 1.153.180          | 79,5   | 99,3   |
|     | - Giao nhà máy tuyển | Tấn        | 200.000          | 240.000            | 243.116            | 121,6  | 101,3  |
| 4   | D. Thu than (CV03)   | Tr.đ       | 2.135.000        | 1.801.000          | 1.833.219          | 85,9   | 101,8  |
| 5   | Lợi nhuận            | Trđ        | 31.434           | 27.220             | 38.541             | 112,7  | 141,7  |
| 6   | Lao động             | Người      | 2.693            | 2.693              | 2.658              | 98,7   | 98,7   |
| 7   | Tiền lương b/quân    | 1000đ/ng/t | 6.548            | 6.548              | 6.807              | 104    | 104    |

Than sản xuất: Theo nghị quyết HĐQT năm 2012, kế hoạch của Công ty khai thác 1.600.000 tấn than, tuy nhiên do tình hình tiêu thụ khó khăn của Tập đoàn, Tập đoàn đã điều chỉnh giảm giảm kế hoạch sản lượng của một số đơn vị thành viên, riêng với Công ty tập đoàn đã cắt giảm 350.000 tấn than nguyên khai.

Về than tiêu thụ: Năm 2013, sau khi tập đoàn điều chỉnh giảm 350.000 tấn than NK, tương ứng giảm 308.000 tấn than sạch tiêu thụ. Đứng trước tình hình tiêu thụ, doanh thu giảm, Công ty đã chủ động đề xuất Tập đoàn cho bổ sung tăng 100.000 tấn than khai thác lại và 40.000 tấn than sơ tuyển giao tuyển than với mục đích giảm giá thành sản phẩm và tăng thêm doanh thu, đảm bảo tăng được lợi nhuận theo nghị quyết HĐQT năm 2013 đã thông qua.

Về lợi nhuận: Theo kế hoạch đầu năm lợi nhuận theo nghị quyết ĐHQĐ là 31.434 tỷ. Tuy nhiên, trong năm Tập đoàn đã cắt giảm khối lượng công việc, tương ứng với việc cắt giảm lợi nhuận từ 31.434 triệu đồng xuống còn 27.220 triệu đồng. Tuy nhiên, bằng các giải pháp hữu hiệu và sự quyết tâm của Tập thể CBCVN Công ty trong việc tiết giảm chi phí, do đó trong năm 2013 lợi nhuận Công ty đã đạt được 38,565/31,434 triệu đồng tăng 12,7% so với Nghị quyết ĐHQĐ.

## 2. Tổ chức nhân sự (Tóm tắt lý lịch của ban điều hành gồm: Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng)

### 2.1. Lý lịch của Giám đốc Hoàng Minh Hiếu.

- Họ và tên: HOÀNG MINH HIẾU
- Giới tính:  nam  nữ

- Số CMND: 100555291; Ngày cấp: 03/7/2007; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
- Ngày tháng năm sinh: : 09/4/1961;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Đông - Móng Cái - Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6, khu 8, P. Hồng Hải - TP Hạ Long - Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913.263924
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:
  - + Từ 10/1983-11/1988: CB kỹ thuật Ban quản lý công trình II;
  - + Từ 11/1988-1990: Công tác tại Mỏ than Núi Béo;
  - + Từ 1990-10/1991: Phó quản đốc C.Trường Via 11 Mỏ than Núi Béo;
  - + Từ 11/1991-12/1995: Phó phòng Điều khiển SX Mỏ than Núi Béo;
  - + Từ 12/1995-01/1997: Trưởng phòng ĐK sản xuất Mỏ than Núi Béo;
  - + Từ 01/1997-7/1997: Trợ lý Giám đốc Mỏ than Núi Béo;
  - + Từ 7/1997-12/2004: Phó Giám đốc Mỏ than Núi Béo;
  - + Từ 1/2005-3/2007: Trưởng ban điều độ sản xuất than Tập đoàn TKV.
  - + Từ 4/2007 đến nay: Giám đốc C.Ty cổ phần than Hà Tu – Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT khoá II (2012-2017) - Giám đốc C.Ty CP than Hà Tu – Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó bí thư Đảng bộ Công ty.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 6.977.253 cổ phần
- Trong đó: \* Sở hữu cá nhân: 15.753 cổ phần;
  - \* Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 6.961.500 cổ phần.
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

## **2.2. Lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Hồng Sơn.**

- Họ và tên: NGUYỄN HỒNG SƠN
- Giới tính:  nam  nữ
- Số CMND: 100993343; Ngày cấp: 01/4/2005; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
- Ngày tháng năm sinh: 12/01/1959;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hương Sơn – Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Phường Hồng Hải - TP Hạ Long – Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc: 0915502953
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác lộ thiên
- Quá trình công tác:
  - + Từ T4/1983-7/1985: Kỹ thuật viên C.Trường mìn – Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ T8/1985-02/1989: Phó Quản đốc C.Trường mìn – Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ T3/1989-6/1992: Phó phòng Kỹ thuật – Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ T7/1992-7/1993: Trưởng phòng Kỹ thuật – Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ T8/1993-5/1995: Trưởng phòng KCS – Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ T6/1995 đến nay: Phó Giám đốc C.Ty CP than Hà Tu-Vinacomin.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT khoá II (2012-2017) - Phó giám đốc C.Ty CP than Hà Tu – Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 1590 cổ phần
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1590 cổ phần;  
+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có.
- Nêu rõ tên và quan hệ của người có liên quan: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

### **2.3. Lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Mạnh Cường.**

- Họ và tên: NGUYỄN MẠNH CUỒNG
- Giới tính:  nam  nữ
- Số CMND: 101133018; Ngày cấp: 28/4/2008; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
- Ngày tháng năm sinh: 01/02/1958;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Bình Xuyên, Bình Giang, Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1 khu 4b – P.Hồng Hải – Hạ Long – Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc: 0913263280
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ;
- Quá trình công tác:
  - + Từ 12/1975 ÷ 12/1980 Đại học mỏ Đại chất khoa lộ thiên;
  - + Từ 01/1981 ÷ 02/1983 Đi nghĩa vụ quân sự CT D2E601;
  - + Từ 5/1983 ÷ 4/1984 Phụ lái máy xúc C.Trường Xúc - Mỏ than Hà Tu.
  - + Từ 5/1984 ÷ 10/1986 Phó Quản đốc C.Trường xúc - Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ 11/1986 ÷ 10/1987 Trưởng ca phòng ĐKSX - Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ 11/1987 ÷ 7/1993 Bí thư Đoàn thanh niên - Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ 8/1993 ÷ 3/1999 Trưởng phòng ĐKSX - Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ 4/1999 ÷ Đến nay Phó Giám đốc - Công ty CP than Hà Tu.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 1806 cổ phiếu.
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1806 cổ phiếu;
- + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

### **2.4. Lý lịch của Phó Giám đốc Vũ Hồng Cẩm.**

- Họ và tên: VŨ HỒNG CẨM
- Giới tính: Nam;
- Số CMND: 100522556; Ngày cấp: 15/7/2009; Nơi cấp: Quảng Ninh;
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 19 tháng 4 năm 1970;
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Ái Quốc – huyện Nam Sách – tỉnh Hải Dương;

- Địa chỉ thường trú: Tổ 4, khu 4C, phường Hồng Hải, Hạ Long, QN.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 033.3835.383
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:
  - + Từ 01/1996-8/1997 Công nhân C.Trường xúc Vía 16 mỏ than Hà Tu;
  - + 9/1997-4/2000 Nhân viên Phòng Kỹ thuật mỏ - Mỏ than Hà Tu;
  - + 5/2000-11/2000 Phó quản đốc, Công trường Than – Mỏ than Hà Tu;
  - + 12/2000-6/2001 Phó quản đốc C.Trường Vía Tụ - C.Ty than Hà Tu;
  - + 7/2001-8/2002 Quản đốc C.Trường Xúc – C.Ty than Hà Tu;
  - + 9/2002-12/2005 Quản đốc C.Trường Vía Trụ - C.Ty than Hà Tu;
  - + 01/2006-01/2011 Trưởng phòng ĐKSX – C.Ty CP than Hà Tu;
  - + 02/2011-05/2011 Trợ lý Giám đốc C.Ty CP than Hà Tu;
  - + 06/2011- đến nay Phó Giám đốc công ty CP than Hà Tu – Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty CP than Hà Tu
- Vinacomin;
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có;
  - Số cổ phần đang nắm giữ: Không có;
  - Trong đó: Sở hữu cá nhân: Không có;
  - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không có;
  - Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có;
  - Nêu rõ tên và quan hệ của người có liên quan: Không có;
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có;
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.

### **2.5. Lý lịch của Phó Giám đốc Ông Thế Minh.**

- Họ và tên: ONG THẾ MINH
- Giới tính:  nam  nữ
- Số CMND: 100047037; Ngày cấp: 16/10/2002; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
- Ngày tháng năm sinh: 18/12/1963;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Yên Dũng – Hà Bắc.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 46b khu 4 – P.Hồng Hà – Hạ Long – Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc: 033 3835737
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: \* Cử nhân kinh tế ngành thống kê (chính quy);  
\* Kỹ sư khai thác mỏ (tại chức).
- Quá trình công tác:
  - + Từ 12/1999 ÷ 4/2001 Nhân viên – Phòng KH – Mỏ than Hà Tu;
  - + Từ 5/2001 ÷ 02/2003 Nhân viên – Phòng KH – Công ty than Hà Tu;
  - + Từ 3/2003 ÷ 01/2005 Phó phòng KH – Công ty than Hà Tu;
  - + Từ 02/2005 ÷ 02/2007 Trưởng phòng KH - Công ty cổ phần than Hà Tu;
  - Từ 03/2007 ÷ 11/2010 Phó phòng KH - Công ty cổ phần than Hà Tu;
  - Từ 12/2010 ÷ 03/2012 Phó giám đốc - Công ty cổ phần than Hà Tu.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007-2011 - Phó giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 289 cổ phiếu.

- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 289 cổ phiếu;
- + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

## **2.6. Lý lịch của Phó Giám đốc Đặng Văn Tĩnh**

- Họ và tên: ĐẶNG VĂN TĨNH
- Giới tính:  nam  nữ
- Số CMND: 100632259; Ngày cấp: 25/7/2003; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
- Ngày tháng năm sinh: 02/5/1975;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Đông Vinh – Đông Hưng – Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 30D khu 2B, P.Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc: 033 3835654.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: \* Kỹ sư chế tạo máy;
- \* Cử nhân quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:
  - + Từ 02/1998 ÷ 12/1998 Công nhân XN cơ khí ô tô Quảng Ninh;
  - + Từ 01/1999 ÷ 6/1999 Nhân viên XN cơ khí ô tô Quảng Ninh;
  - + Từ 7/1999 ÷ 12/2000 Quản đốc Xưởng I - XN cơ khí ô tô QN;
  - + Từ 01/2001 ÷ 12/2005 T.Phòng kinh doanh - XN cơ khí ô tô QN;
  - + Từ 01/2006 ÷ 3/2006 Quản đốc X I C.Ty CP cơ khí Giao thông QN;
  - + Từ 4/2006 ÷ 6/2007 Nhân viên phòng Vận tải - Công ty than Hà Tu;
  - + Từ 7/2007 ÷ 12/2008 Phó quản đốc Xe 11 - Công ty CP than Hà Tu;
  - + Từ 01/2009 ÷ 12/2009 Quản đốc Xe 11 - Công ty CP than Hà Tu.
  - + Từ 01/2010 ÷ 3/2012 Trưởng phòng Vận tải - Công ty CP than Hà Tu.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2012-2017) – Phó Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng uỷ, Ủy viên BCH Công đoàn công ty.
- Số cổ phần đang nắm giữ: không.
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không;
- + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

## **2.7. Lý lịch của Kế toán trưởng Lê Thị Cẩm Thanh.**

- Họ và tên: LÊ THỊ CẨM THANH
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/10/1959
- Nơi sinh: TP. Hạ Long - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đồng Sơn - Huyện Nam Ninh - Tỉnh Nam Định
- Số CMND: 100102274; Ngày cấp: 18/4/1998; Nơi cấp: CA Q.Ninh



- Địa chỉ thường trú: Tổ 89 khu 6 P.Bạch Đằng - TP. Hạ Long - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0912.187980
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

+ Từ T2/1978 - 4/1980: Cán bộ Ban tài chính giá cả thuộc Sở Tài chính Quảng Ninh

- + Từ 5/1980 - 9/1982: Học lớp Trung cấp kế toán công nghiệp;
- + Từ 10/1982 - 4/1984: Thống kê Công trường khoan - Mỏ than Hà Tu;
- + Từ 5/1984 - 6/1995: Cán bộ phòng Kế toán thống kê-Mỏ than Hà Tu;
- + Từ 7/1995 - 11/1997: Chuyên viên Phòng Kế toán tài chính- Cty than

Hòn Gai;

- + Từ 12/1997 - 6/1998: Trưởng phòng Kế toán - Mỏ than Hà Trung;
- + Từ 7/1998 - 12/1998: Cán bộ Phòng Kế toán tài chính - Cty Than Hòn

Gai;

- + Từ 01/1999 - 02/2005: Phó phòng Kế toán thống kê - Cty than Hà Tu;
- + Từ 3/2005 đến nay: Kế toán trưởng Cty CP Than Hà Tu – Vinacomin;

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Cty CP than Hà Tu – Vinacomin.

- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Thành viên Ban Kiểm soát - Cty CP cromít - Cổ Định – Thanh Hoá

- Số cổ phần nắm giữ: 1.951 cổ phần

- Trong đó: \* Sở hữu cá nhân: 1.951 cổ phần

\* Đại diện phần vốn Nhà nước: Không cổ phần

- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

### **2.8. Những thay đổi trong Ban điều hành:**

Trong năm 2013 không có sự thay đổi trong Ban điều hành

### **2.9. Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng Cán bộ công nhân viên có đến ngày 31/12/2012 là 2.520 người trong đó có 800 là lao động nữ.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

Các dự án, hạng mục công trình Công ty lập và trình duyệt theo đúng quy định của Pháp luật, quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của công ty đã mang lại hiệu quả thiết thực, tham gia sản xuất góp phần thực hiện hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2013, chuẩn bị kịp thời thực hiện kế hoạch năm 2014 và các năm tiếp theo.

Các dự án, hạng mục công trình đầu tư xây dựng của Công ty trong năm 2013 đã thực hiện được 61,974 tỷ đồng đạt 91% kế hoạch đề ra. Công ty đã tiết kiệm chi phí được 4% giá trị bằng 2,772 tỷ đồng do làm tốt công tác tổ chức đấu thầu và chào hàng cạnh tranh ở các gói thầu.

Các công trình, dự án trọng điểm đã được thực hiện trong năm 2013 gồm:

- Dự án đầu tư phục hồi các thiết bị khai thác mỏ thực hiện 34.670 triệu đồng;

- Dự án đầu tư xe chở than và xe tưới đường thực hiện 26.980 triệu đồng.

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu                                   | Năm 2012          | Năm 2013          | % tăng giảm |
|--|-------------------|-------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản                       | 699.037.610.593   | 772.053.194.067   | 110,44      |
| Doanh thu thuần                            | 1.575.560.360.048 | 1.905.646.284.151 | 120,95      |
| Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 23.723.948.616    | 37.525.229.992    | 158,17      |
| Lợi nhuận khác                             | 2.461.694.031     | 1.015.778.060     | 41,26       |
| Lợi nhuận trước thuế                       | 26.185.642.647    | 38.541.008.052    | 147,18      |
| Lợi nhuận sau thuế                         | 18.824.901.871    | 29.959.278.895    | 159,14      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                   | 1.379             | 2.195             | 159,17      |

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu  | Năm 2012 | Năm 2013 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán                        |          |          |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn                               | 1,05     | 0,9      |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh:                                 | 0,008    | 0,004    |         |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                                 |          |          |         |
| + Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn                            | 65       | 68       |         |
| + Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn                   | 35       | 32       |         |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động                         |          |          |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho:                                 | 7,42     | 7,84     |         |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản                            | 2,25     | 2,46     |         |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                          |          |          |         |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | 0,012    | 0,016    |         |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                 | 0,077    | 0,13     |         |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | 0,027    | 0,038    |         |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,015    | 0,02     |         |

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. **Cổ phần:** Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 13.649.738 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

##### b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông trong nước: Sở hữu 13.366.088 cổ phần chiếm 97,92%; Với:
  - + Cổ đông tổ chức sở hữu 9.417.686 cổ phần chiếm 69,00%;
  - + Cổ đông cá nhân sở hữu 3.948.402 cổ phần chiếm 28,92%.
- Cổ đông nước ngoài: Sở hữu 283.650 cổ phần chiếm 2,07%. Với:
  - + Cổ đông tổ chức sở hữu 119.250 cổ phần chiếm 0,87%;
  - + Cổ đông cá nhân sở hữu 164.400 cổ phần chiếm 1,20%.
- Cổ đông lớn:
  - + Tập đoàn Vinaacomin sở hữu: 6.961.500 cổ phần chiếm 51,00%;

+ Công ty Cơ điện lạnh REE sở hữu: 2.424.400 cổ phần chiếm 17,76%.

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không thay đổi;

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không;

e. *Các chứng khoán khác:* Không.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Năm 2013, mặc dù tình hình sản xuất có quá nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã chủ động đưa ra các giải pháp tổ chức, điều hành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác quản trị chi phí, do vậy đã đạt được một số kết quả:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2013:

| Stt | Chỉ tiêu             | Đvt        | Kế hoạch Đầu năm | Kế hoạch Điều hành | Thực hiện năm 2013 |        |        |
|-----|----------------------|------------|------------------|--------------------|--------------------|--------|--------|
|     |                      |            |                  |                    | Sản lượng          | % 6526 | % 2142 |
| 1   | Than nguyên khai     | Tấn        | 1.600.000        | 1.250.000          | 1.252.326          | 78,3   | 100,2  |
| 2   | Đất bóc              | M3         | 21.400.000       | 16.725.000         | 16.749.978         | 78,3   | 100,2  |
| 3   | Than tiêu thụ        | Tấn        | 1.650.000        | 1.401.000          | 1.396.296          | 84,6   | 99,7   |
|     | - Giao kho vận       | Tấn        | 1.450.000        | 1.161.000          | 1.153.180          | 79,5   | 99,3   |
|     | - Giao nhà máy tuyển | Tấn        | 200.000          | 240.000            | 243.116            | 121,6  | 101,3  |
| 4   | D. Thu than (CV03)   | Tr.đ       | 2.135.000        | 1.801.000          | 1.833.219          | 85,9   | 101,8  |
| 5   | Lợi nhuận            | Trđ        | 31.434           | 27.220             | 38.541             | 112,7  | 141,7  |
| 6   | Lao động             | Người      | 2.693            | 2.693              | 2.658              | 98,7   | 98,7   |
| 7   | Tiền lương b/quân    | 1000đ/ng/t | 6.548            | 6.548              | 6.807              | 104    | 104    |

Than sản xuất: Theo nghị quyết HĐQT năm 2012, kế hoạch của Công ty khai thác 1.600.000 tấn than, tuy nhiên do tình hình tiêu thụ khó khăn của Tập đoàn, Tập đoàn đã điều chỉnh giảm giảm kế hoạch sản lượng của một số đơn vị thành viên, riêng với Công ty tập đoàn đã cắt giảm 350.000 tấn than nguyên khai.

Về than tiêu thụ: Năm 2013, sau khi tập đoàn điều chỉnh giảm 350.000 tấn than NK, tương ứng giảm 308.000 tấn than sạch tiêu thụ. Đứng trước tình hình tiêu thụ, doanh thu giảm, Công ty đã chủ động đề xuất Tập đoàn cho bổ sung tăng 100.000 tấn than khai thác lại và 40.000 tấn than sơ tuyển giao tuyển than với mục đích giảm giá thành sản phẩm và tăng thêm doanh thu, đảm bảo tăng được lợi nhuận theo nghị quyết HĐQT năm 2013 đã thông qua.

Về lợi nhuận: Theo kế hoạch đầu năm lợi nhuận theo nghị quyết ĐHQĐ là 31.434 tỷ. Tuy nhiên, trong năm Tập đoàn đã cắt giảm khối lượng công việc, tương ứng với việc cắt giảm lợi nhuận từ 31.434 triệu đồng xuống còn 27.220 triệu đồng. Tuy nhiên, bằng các giải pháp hữu hiệu và sự quyết tâm của Tập thể CBCVN Công ty trong việc tiết giảm chi phí, do đó trong năm 2013 lợi nhuận Công ty đã đạt được 38,565/31,434 triệu đồng tăng 12,7% so với Nghị quyết ĐHQĐ.

#### 2. *Triển khai thực hiện các giải pháp giảm giảm giá thành:*

Năm 2013, Công ty là một trong 7 đơn vị có giá thành cao của Tập đoàn (Mạo Khê, Uông Bí, Quang Hanh, Đông Bắc, TNĐM, Hà Tu, Đèo Lai, Cọc Sáu) Tập đoàn

đã có yêu cầu giảm giá thành đảm bảo giá bán thị trường chấp nhận ( bình quân cám 5a: 1.417.000 đồng/tấn) tương đương Công ty phải giảm giá thành với giá trị 141,2 tỷ. Do đó, công ty phải xây dựng và triển khai các giải pháp giảm giá thành với 3 giải pháp chính: Giảm cung độ từ 4 km xuống 3,625km, giảm tỷ lệ đất đá làm toi 4%; tăng 100.000 tấn than sạch tự nguồn đất lẫn. Kết quả thực hiện các giải pháp đạt được như sau:

- Chế biến sâu: Tăng được 100.000/100.000 tấn đạt 100% yêu cầu giải pháp góp phần làm giảm giá thành 47,2 tỷ đồng.

- Tỷ lệ đất đá làm toi đạt 71,45/67,0 tăng 4,45 % so với yêu cầu đặt ra. Tuy không đạt được mục tiêu giảm giá thành, nhưng vẫn đảm bảo được kế hoạch Tập đoàn

- Cung độ vận chuyển đất: thực hiện 3,559 giảm 0,441 km so với kế hoạch Tập đoàn, giảm thêm 0,066 km so với yêu cầu (3,625km) để bù cho giải pháp giảm tỷ lệ đất đá bắn toi chưa đảm bảo theo yêu cầu đề ra, góp phần làm giảm giá thành 97,8 tỷ đồng.

Như vậy, với sự nỗ lực của tập thể cán bộ CNV Công ty đã suýt sắc hoàn thành mục tiêu giảm giá thành theo yêu cầu Tập đoàn.

### **3. Các giải pháp trong điều hành sản xuất và quản trị chi phí:**

#### **a. Về công tác tổ chức ĐHSX, quản lý kỹ thuật và chế biến tiêu thụ:**

Năm 2013 là một năm đánh dấu sự thay đổi về chất trong công tác điều hành sản xuất, đã kịp thời điều chỉnh sản xuất phù hợp với các cơ chế thay đổi của Tập đoàn từ 6 giờ sáng đến 18 giờ (giảm ½ thời gian giao than). Điều chỉnh giảm sản lượng giao than cho Công ty Kho vận và tăng sản lượng giao than cho Tuyên than, tổ chức chế biến sâu, làm tốt công tác chuẩn bị chân hàng đáp ứng các chủng loại than tiêu thụ, tổ chức giao ca tại chỗ để nâng năng suất vận tải.

Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ đã xây dựng được nhiều phương án sản xuất khai thác và chế biến hiệu quả nên đã đảm bảo được phẩm cấp than nguyên khai khai thác giảm Ak từ 37,61% xuống 37,16% làm tăng trên 27 tỷ đồng doanh thu.

Tổ chức thực hiện tốt 3 giải pháp giảm giá thành làm giảm 145 tỷ đồng, góp phần rất lớn vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **b. Công tác quản trị và tiết giảm chi phí:**

Cơ chế khoán quản, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty đó từng bước được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty đã xác định được mục đích khoán quản trị chi phí, nhằm hạ giá thành sản phẩm tiết kiệm chi phí để SXKD có hiệu quả, tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho người lao động.

Thực hiện chi phí khoán nội bộ năm 2013 so với định mức giao khoán, toàn công ty giảm 387 triệu bằng 0,1%. Trong đó chi phí vật liệu toàn công ty thực hiện so với định mức giao khoán giảm 2.570 trđ bằng 1,69%; chi phí nhiên liệu thực hiện so với định mức giao khoán tăng 1,991 trđ bằng 0,76%.

#### **c. Công tác lao động tiền lương và chế độ người lao động:**

Về tiền lương và thu nhập người lao động: do khối lượng công việc bị cắt giảm, giá bán than, doanh thu bị cắt giảm lớn dẫn đến nguồn tiền lương bị giảm trên 30 tỷ tương ứng giảm 14% tổng quỹ lương theo kế hoạch đầu năm. Tuy sản lượng bị cắt giảm, nhưng Công ty cũng chỉ giảm thuê ngoài, khối lượng tự làm không đổi, để đảm bảo việc làm và thu nhập, ổn định tâm lý cho người lao động. Công ty đã phải cắt giảm một số chi phí khác để bổ sung nguồn tiền lương và đảm bảo được tài chính của Công ty, do đó thu nhập bình quân của Công ty đạt **6.807/6.548 ngàn đ/ng/tháng** tăng 4% so với kế hoạch giao.

Về cơ cấu lao động: năm 2013, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nhằm cơ cấu lại lao động hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý trong toàn Công ty, nên năm 2013

đã giảm được 126 người lao động của toàn Công ty, nhưng do tỷ trọng lao động trong khối sản xuất trực tiếp và khối phục vụ phụ trợ về nghỉ lớn dẫn đến lệ lao động gián tiếp vẫn bị tăng từ 11,7% lên 11,9% tăng 0,2% so với kế hoạch.

#### ***d. Công tác đầu tư xây dựng:***

Năm 2013, tổng giá trị đầu tư là 63.290 triệu đồng, chủ yếu là dự án đầu tư xe chở than, xe tưới đường và dự án đầu tư phục hồi các thiết bị khai thác nhằm duy trì công suất thiết bị phục vụ sản xuất với mức đầu tư của hai dự án trên là 57.159 triệu đồng, cụ thể:

- Xe chở than, xe tưới đường: Công ty đã đầu tư 05 xe có trọng tải từ 23-30 tấn để bổ sung xe vận chuyển than Via khi đội xe vận chuyển than bàn giao cho Công ty Kho Vận, và 03 xe chở nước đã xuống cấp, hết khấu hao với giá trị đầu tư 27.616 triệu đồng.

- Dự án đầu tư phục hồi thiết bị khai thác: Công ty chủ yếu là đầu tư một số cụm động cơ, hộp số ... để duy trì, nâng cao năng lực cho thiết bị vận chuyển đất đá và máy xoay cầu điện, tổng mức đầu tư: 29.543 triệu đồng.

#### ***e. Các hoạt động ngoài than:***

- Sản xuất tại Tân Rai: Năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng khai thác quặng nguyên khai với Công ty Nhôm Lâm Đồng với tổng sản lượng là 800.000 tấn quặng, Công ty đã cho Công ty MT Nhân Cơ thuê lại toàn bộ thiết bị xe máy, nhà xưởng để thực hiện Hợp đồng Công ty ký với Công ty Nhôm Lâm Đồng. Tuy nhiên, năm 2013 Nhà máy alumin hoạt động không ổn định, thiết bị thường xuyên gặp sự cố phải dừng để khắc phục, lượng quặng tiêu thụ không lớn mà chỉ huy động lượng quặng nguyên khai tồn (Công ty Nhôm đã có thông báo tạm dừng khai thác gửi Công ty). Do đó, năm 2013 hầu hết các thiết bị xe máy của Công ty đã không tham gia hoạt động sản xuất.

- Phân xưởng dịch vụ tổng hợp: Là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ ăn uống và thể thao chủ yếu để tạo việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân viên Công ty. Năm 2013, doanh thu đạt 9.830/9.266 trđ bằng 106% kế hoạch, tăng 4% so với cùng kỳ 2012.

### ***4. Tình hình tài chính:***

#### ***a. Tình hình tài sản:***

Tài sản cố định của Công ty giảm 13,4 tỷ đồng so với năm 2012. Tổng tài sản giảm 14,04 tỷ đồng là do trong năm 2013 Công ty không mua sắm tài sản và khấu hao TSCĐ tăng dẫn đến giá trị TSCĐ giảm hơn nữa trong năm còn thanh lý một số TSCĐ dẫn đến giá trị tài sản cố định và tổng tài sản giảm so với năm 2012.

#### ***b. Tình hình nợ phải trả:***

Nợ phải trả tăng hơn 66 tỷ đồng so với năm 2012 chủ yếu là do nợ ngắn hạn và các khoản nợ đều nằm trong khả năng thanh toán của Công ty.

### ***5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.***

Công tác kỹ thuật, điều hành sản xuất đã hoạch định phương hướng sản xuất đúng đắn giữa các khâu trong dây chuyền công nghệ với điều kiện thực tế khai trường mỏ, tạo nên một dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại. Công ty đã gắn hoàn thành kế hoạch sản lượng với hiệu quả kinh tế, xây dựng quy chế chính sách bình đẳng giữa các đơn vị đã phát huy tối đa nội lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

Khoản quản trị chi phí ngày càng chặt chẽ tới từng phân xưởng chính và phụ trợ. Ký hợp đồng trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với các Quản đốc, Trưởng phòng các đơn vị làm tăng tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ đi đôi với quyền lợi tạo ra một động lực phát triển mới.

Sắp xếp tinh giảm bộ máy, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có, đồng thời có kế hoạch thu hút nhân tài để phát triển Doanh nghiệp.

Công tác quản lý chi phí và giá thành sản phẩm được tăng cường, Công ty cử riêng một Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc chỉ đạo, quản lý công tác khoán chi phí, thay đổi phương thức khoán, hàng tháng, quý đều có nghiệm thu khoán với từng đơn vị, thưởng, giảm trừ các chi phí đều minh bạch, công khai nên công tác khoán chi phí năm 2013 được Tập đoàn Vinacomin đánh giá cao.

Tổ chức quản lý tài chính một cách chủ động, linh hoạt, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, chủ động khai thác các nguồn vốn vay phục vụ kế hoạch SXKD, tài chính của Công ty lành mạnh.

Công tác quản lý vật tư đã được thực hiện từ việc mua bán, cấp phát đến quản lý vật tư và theo dõi cấp phát đến từng thiết bị, thực hiện tốt việc thu cũ đổi mới. Vật tư được cung cấp đầy đủ, kịp thời đảm bảo cho sản xuất, giá cả hợp lý. Hệ thống kho tàng đã được củng cố đầu tư nâng cấp, hàng hóa được sắp xếp khoa học thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý, cấp phát.

Chế độ đối với người lao động tiến hành triển khai thực hiện theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành phổ biến qui chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như qui định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty, qui chế được xây dựng công khai dân chủ: Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

#### **6. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác chọn lọc và sàng tuyển, chế biến sâu.

Đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên; Hoàn thiện dự án phát triển mỏ sau năm 2018 và khai thác khu vực Bắc Bàn Danh.

Đầu tư, liên kết khai thác chế biến khoáng sản, Khai thác bauxit.

#### **7. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)**

Không có ý kiến của Kiểm toán.

### **IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty**

#### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

Đánh giá kết quả SXKD, HĐQT nhận định: Năm 2013, trước bối cảnh ngành than cũng như các Công ty sản xuất than lộ thiên gặp khó khăn trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm, tồn kho và thiếu việc làm ở mức cao, chính vì vậy mà trong năm Tập đoàn TKV đã giảm sản lượng than khai thác của Công ty từ 1,75 triệu tấn xuống 1,25 triệu tấn, theo đó sản lượng đất bóc và doanh thu đều giảm theo tương ứng. Bên cạnh đó diện khai thác than thu hẹp, công nghệ khai thác xuống sâu, công tác đổ thải, môi trường còn có nhiều vướng mắc....trong năm thời tiết diễn biến phức tạp, mưa bão kéo dài đã ảnh hưởng đến nhiều ca sản xuất. Nhưng với truyền thống đoàn kết, vượt khó, năng động sáng tạo của tập thể lãnh đạo cán bộ công nhân viên, nên Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu và nhiệm vụ đề ra, nền tài chính của Công ty lành mạnh, nguồn vốn của Công ty được bảo toàn và phát triển.

#### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.**

Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty. Bộ máy điều hành Công ty đã thắt chặt công tác quản lý, quản trị chi

phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn về giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao, điều kiện khai thác khó khăn... kinh doanh có lãi. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hơn 38,5 tỷ đồng, đảm bảo cổ tức và các quyền lợi chính đáng cho các cổ đông. Sau đại hội đồng cổ đông, Công ty đã tiếp tục tiến hành tổ chức lại cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh cho phù hợp với điều kiện thực tế mới của Công ty. Hiện Công ty có 19 Công trường, Phân xưởng và 19 phòng ban. Ban giám đốc điều hành đã: Triển khai kế hoạch của Tập đoàn giao, Công ty, lập và giao kế hoạch sản xuất, khoán chi phí và giá thành sản phẩm cho các đơn vị trong Công ty theo từng tháng, quý để các đơn vị tổ chức thực hiện. Căn cứ vào kế hoạch đã giao, hàng tháng, quý Công ty đều tổ chức kiểm điểm rà soát lại các chỉ tiêu thực hiện từ cấp Công ty đến các Công trường, Phân xưởng để làm rõ trách nhiệm quản lý, điều hành và điều chỉnh kế hoạch, biện pháp thực hiện tiếp theo nhằm đạt được các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Phát huy được hiệu quả của thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất an toàn tạo nên sự đồng bộ, phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị với nhau, quán triệt tư tưởng chỉ đạo: Hoàn thành kế hoạch sản lượng phải đi đôi với hiệu quả kinh tế.

Xây dựng được một cơ chế quản lý, điều hành bình đẳng giữa các đơn vị, phát huy sức mạnh tổng hợp của các đơn vị tổ xe, tổ máy, cá nhân phấn đấu vì mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

Vật tư mua đảm bảo chất lượng theo giá hợp lý và được quản lý, theo dõi chặt chẽ từ khâu mua đến việc cấp phát cho từng đơn vị, đầu thiết bị.

Nền tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả, không có các khoản nợ xấu.

Công tác tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ qui định của Nhà nước. Các hợp đồng kinh tế Công ty ký với các đối tác kinh doanh năm 2013 đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước, Tập đoàn Vinacomin. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác.

Công ty sử dụng lao động đúng theo quy định của Tổng Giám đốc tập đoàn Vinacomin về việc hướng dẫn thực hiện Điều lệ Tập đoàn Vinacomin trong công tác quản lý lao động, tiền lương và phát triển nguồn nhân lực.

Áp dụng thang bảng lương, chế độ đối với người lao động tiến hành triển khai thực hiện theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành phổ biến quy chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như quy định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá. Tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững, như: Tháng công nhân do Công đoàn quản lý, Đoàn thanh niên tham gia quản lý âm dương đất đá; Công đoàn, Nữ công tham gia, trực tiếp hoạt động phong trào chăm lo chu đáo đời sống cho người lao động...

### **3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT.**

Bố trí điều hành sản xuất linh hoạt, hợp lý, phù hợp với nhu cầu giao than tiêu thụ. Tìm mọi biện pháp đảm bảo năng lực tự làm theo kế hoạch. Điều hành việc bóc đất ra than đảm bảo đúng tiến độ. Tìm mọi biện pháp để sửa chữa nhanh thiết bị để huy động ra sản xuất.

Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thiện các thủ tục cấp phép khai thác xuống sâu khu vực Bắc Bàng Danh với sản lượng dự kiến 2,5 triệu tấn than/năm.

Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, cơ cấu và phân bổ lại lực lượng lao động giữa các ngành nghề và khu vực sản xuất theo chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.

Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật... Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường công tác chọn lọc than và chế biến sâu tận thu than, quản trị tốt tài nguyên, nâng cao chất lượng sản phẩm, nguồn than giao nhận.

Thực hiện tốt công tác quân sự - quốc phòng tại địa phương, bảo vệ, giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong sản xuất, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động ở mức thấp nhất một các vững chắc.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan, sinh động các hoạt động sản xuất, kinh doanh, văn hóa, xã hội của Công ty, nhất là những khó khăn thách thức do hậu quả của suy giảm kinh tế và các tấm gương vượt khó đi lên để người lao động noi gương và xã hội noi chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ và các cấp chính quyền địa phương, Tập đoàn kịp thời hỗ trợ.

Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác cải tạo và phục hồi hoàn thổ môi trường, phấn đấu xây dựng Công ty trở thành mỏ Hiện đại - An toàn – Xanh - Sạch - Đẹp. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới và giữ vững an ninh trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị, đoàn thể: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh để tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng bền vững và phát triển mạnh mẽ.

## **V. Quản trị Công ty:**

### **1. Hội đồng quản trị:**

#### **a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:**

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên:

- Ông Hoàng Minh Hiếu, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành;
- Ông Nguyễn Hồng Sơn, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc;
- Ông Ong Thế Minh, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc;
- Ông Nguyễn Việt Thanh, Thành viên HĐQT, Bí thư Đảng bộ Công ty;
- Ông Lam Anh Tuấn, Thành viên HĐQT, Quản đốc Vía 7&8.

Trong 05 thành viên HĐQT có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý Công ty và 02 là thành viên HĐQT không điều hành. Các Thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.



**b. Các tiểu ban thuộc HĐQT:**

Các Phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, đã tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

**c. Hoạt động của HĐQT:**

Trong năm, Hội đồng quản trị đã họp 15 phiên qua hình thức họp trực tiếp và họp gián tiếp, ban hành 15 Nghị quyết, 15 Quyết định và 10 các văn bản khác để chỉ đạo sản xuất kinh doanh và phát triển Công ty. HĐQT đã giám sát và chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty, đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty.

**d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:**

Trong HĐQT của Công ty có 02 thành viên HĐQT không điều hành. Các thành viên HĐQT không điều hành đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và được giao nhiệm vụ trách nhiệm theo dõi các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp năng lực trình độ chuyên môn được đào tạo của mỗi người. Cả 02 thành viên HĐQT không điều hành đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.

**e. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:** Không có.

**2. Ban Kiểm soát:**

**a. Thành viên và cơ cấu của BKS:**

| STT | Thành viên HĐQT          | Chức vụ    | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Số buổi họp tham dự 2013 |
|-----|--------------------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| 1   | Bà Trần Thị Kim Loan     | Trưởng ban | 0                        | 4                        |
| 2   | Ông Lương Xuân Hùng      | Ủy viên    | 0                        | 4                        |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Thanh Tươi | Ủy viên    | 600                      | 4                        |

**b. Hoạt động của BKS:**

Trong năm 2013, BKS đó thực hiện tốt chức năng của mình, như: Giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác Kế toán, Thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Quỹ lương của Viên chức quản lý năm 2013 được Tập đoàn phê duyệt gồm Ban giám đốc và Kế toán trưởng là: 2.202.000.000<sup>d</sup>
- Thù lao của HĐQT và BKS năm 2013 là: 193.197.600 đồng. trong đó  
05 thành viên HĐQT của Công ty: 123.001.200 đồng.  
03 thành viên Ban kiểm soát của Công ty: 70.196.400 đồng.

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có.

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có.

**VI. Báo cáo tài chính:**

**1. Ý kiến kiểm toán:** (Trích ý kiến tại báo cáo kiểm toán số 351//2014/BC.KTTC-AASC.QN ngày 18/3/2014 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC)

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan”.

*Vấn đề cần nhấn mạnh:*

- Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo công văn số 612/Vinacomin - HĐTV ngày 08/2/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Công ty đang thực hiện hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó các khoản vay dài hạn đến hạn trả năm 2014 là: 35.864.000.000 đồng, không thực hiện phân loại sang chỉ tiêu “vay và nợ ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán, (số liệu tương ứng thời điểm 31/12/2012 là 35.810.000.000 đồng).

## **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là: [www.thanhatu.com.vn](http://www.thanhatu.com.vn) hoặc [www.hatucoal.vn](http://www.hatucoal.vn).

Công ty xin trân trọng cảm ơn./.

### **Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (b/c);
- Văn phòng đăng trên Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Minh Hiếu**